

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BL
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2019

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BL, TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường.

2. Bà Dương Thị Sáu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hùng –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh LA.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Quốc V, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 488 Khu 6, Lô 2, ấp 7, xã Lương Hòa, huyện BL, tỉnh LA.

Bị đơn: Bà Ôn Tuyết Ng, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 7, xã Lương Hòa, huyện BL, tỉnh LA.

Tạm trú: Số 48/4B Nguyễn Huệ, Phường 1, thành phố Tân An, tỉnh LA.

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/01/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Quốc V trình bày: Ông và bà Ôn Tuyết Ng đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2014, có tổ chức cưới hỏi, được gia đình hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Tân An, tỉnh LA vào ngày 12/11/2014.

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình ông tại ấp 7 xã Lương Hoà, huyện BL, tỉnh LA. Cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bà Ng thường nghe theo ý kiến của người ngoài dẫn đến vợ chồng hay bất đồng quan điểm và cãi vã thường xuyên. Đến tháng 10/2018, bà Ng tự ý bỏ đi

đâu không rõ, không thông báo với gia đình chồng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Ôn Tuyết Ng.

+ Về con chung: Ông và bà Ng có 01 con chung tên Phạm Thị Tuyết Nga, sinh ngày 26/10/2015, hiện nay đang sống với ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà Ng cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Tại phiên tòa, bị đơn Ôn Tuyết Ng trình bày:* Bà thống nhất lời trình bày của ông V về thời gian và điều kiện kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà Ng xác định do bà có mâu thuẫn với gia đình chồng và ông V có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng hay cãi vã nhau; tháng 10 năm 2018 bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở thành phố Tân An sống cho đến nay. Hiện tại bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung nhưng bà không đồng ý ly hôn với ông V mà đợi tới khi con chung tròn 18 tuổi mới tính đến chuyện ly hôn hay không.

+ Về con chung: Bà và ông V có 01 con chung tên Phạm Thị Tuyết Nga, sinh ngày 26/10/2015, hiện nay đang sống với ông V. Khi bà bỏ đi không dẫn theo con chung vì bà không có điều kiện nuôi dưỡng và hiện con chung sống với ông V vẫn phát triển bình thường.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chứng cứ mà các bên cung cấp trong vụ án là: Trích lục Giấy chứng nhận kết hôn số 63, ngày 12/11/2014 do Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Tân An cấp cho ông V và bà Ng, bản sao giấy khai sinh của Phạm Thị Tuyết Nga; bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu, bản tự khai và các tài liệu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Phạm Quốc V yêu cầu ly hôn với bà Ôn Tuyết Ng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh LA thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Tại đơn giải trình cũng như tại phiên tòa, bà Ôn Tuyết Ng cho rằng bà đang sinh sống tại thành phố Tân An, phải do Tòa án nhân dân thành phố Tân An giải quyết vụ án ly hôn giữa bà và ông V là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, tại “Đơn giải trình” ngày 08/4/2019, ngày 18/4/2019 có đoạn “vào ngày 20/11/2015 gia đình tôi đã đồng ý cắt hộ khẩu của tôi tại thành phố Tân An để theo quê chồng tại 488 Khu 6, Lô 2, ấp 7, xã Lương Hòa, huyện BL, tỉnh LA” và tại phiên tòa bà Ng cũng thừa nhận hiện tại bà đang sống tại thành phố Tân An, tỉnh LA nhưng không đăng ký thường trú hoặc tạm trú. Đồng thời căn cứ vào Sổ hộ khẩu số 06110417 do ông Phạm Văn Phước thì bà Ng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Lương Hòa, huyện BL. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức có thẩm quyền giải quyết vụ án ly hôn giữa ông V và bà Ng.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của ông V, thấy rằng: Ông Phạm Quốc V và bà Ôn Tuyết Ng xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Tân An, tỉnh LA cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/11/2014 nên hôn nhân của ông V và bà Ng là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa ông V cho rằng vợ chồng hay bất đồng quan điểm sống, bà Ng có mâu thuẫn với gia đình chồng, vợ chồng sống không hạnh phúc, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Bà Ng cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung và bà Ng trình bày trước phiên tòa là không muốn quay về hàn gắn lại hạnh phúc gia đình với ông V. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, ông V yêu cầu được ly hôn là có căn cứ chấp nhận; lời trình bày của bà Ng cho rằng không muốn sống chung với ông V nữa nhưng không đồng ý ly hôn, đợi đến khi con chung tròn 18 tuổi mới tính đến chuyện ly hôn là không hợp lý, không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Các đương sự đều thừa nhận trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Phạm Thị Tuyết Nga, sinh ngày 26/10/2015, hiện đang sống với ông V và bà Ng cũng thừa nhận con chung sống với ông V vẫn phát triển bình thường và từ khi bà Ng bỏ về bên cha mẹ ruột đến nay không về thăm nom, chăm sóc con chung thường xuyên. Đồng thời nhằm đảm bảo sẽ phát triển bình thường của cháu Nga cần giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay nên giao cho ông V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống ông V và bà Ng đều thống nhất xác định không có và hiện tại không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Phạm Quốc V tự phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quốc V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Quốc V được quyền ly hôn với bà Ôn Tuyết Ng. ông Phạm Quốc V và bà Ôn Tuyết Ng không còn là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho ông Phạm Quốc V được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Thị Tuyết Nga, sinh ngày 26/10/2015.

3. Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Ông Phạm Quốc V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005068 ngày 23/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh LA.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại phiên tòa và kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LA;
- VKSND huyện BL;
- Chi cục THADS huyện BL;
- Các đương sự;
- UBND xã Phước Lợi, huyện BL, tỉnh LA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh